

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2024.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Ngọc Sơn
- Ông Nguyễn Văn Khoa

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2024/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Châu N, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp Long An, xã Long Hòa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Long T, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp Giang Hà, xã An Điền, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Châu N trình bày:

Chị N và anh Bùi Long T tự nguyện kết hôn vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện B, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống chị N và anh T không có con chung.

Lý do không còn sống chung: Lúc đầu chung sống hạnh phúc, khoảng hơn 01 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại đã không còn sống chung từ tháng 05/2023 đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị N có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Châu N yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Long T, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị N không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Ngày 24/4/2024, chị Nguyễn Thị Châu N có đơn xin vắng mặt.

Theo bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 19/6/2024 bị đơn Bùi Long T trình bày:

Anh T và chị N kết hôn năm 2022, đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, hôn nhân tự nguyện.

Trong quá trình chung sống anh T và chị N không có con chung.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau thường xảy ra bất đồng quan điểm, chị N và anh T không còn tình cảm làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, chị N và anh T đã không còn sống chung từ khoảng tháng 5/2023 cho đến nay.

Trước yêu cầu của chị Nguyễn Thị Châu N, anh T có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Châu N, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Ngày 19/6/2024, anh Bùi Long T có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

* Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Chị N và anh T có tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26/10/2022. Thời điểm đăng ký kết hôn chị N, anh T đã đủ tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời gian đầu anh, chị sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện tại, chị N và anh T đã không còn sống chung từ tháng 05/2023 đến nay. Anh Bùi Long T cũng thừa nhận anh T và chị N thời gian ban đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau anh T và chị N thường xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân

không đạt được, hiện tại anh T và chị N đã không còn sống chung từ khoảng tháng 5/2023 đến nay.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là hợp pháp. Chị N và anh T không có yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: Thời gian sống chung chị N và anh T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản: Chị N và anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Châu N:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Châu N được ly hôn với anh Bùi Long T. Chị N và anh T không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: Chị N và anh T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Bùi Long T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 23/3 ấp GH, xã АД, huyện p, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Châu N và anh Bùi Long T có yêu cầu xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh T.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Châu N và anh Bùi Long T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết

hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/10/2022. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị N và anh T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị N xin ly hôn với anh T là do chị N và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện tại, chị N và anh T đã không còn sống chung từ khoảng tháng 5/2023 đến nay. Anh T thừa nhận thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau thường xảy ra bất đồng quan điểm, chị N và anh T không còn tình cảm làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, chị N và anh T đã không còn sống chung từ khoảng tháng 5/2023 cho đến nay nên anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Xét thấy: Hiện nay chị N và anh T không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án đã tạo điều kiện để chị N và anh T hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng chị N và anh T đều kiên quyết muốn ly hôn nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Châu N và anh Bùi Long không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị N và anh T không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Chị N và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Nguyễn Thị Châu N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Châu N. Chị Nguyễn Thị Châu N được ly hôn với anh Bùi Long T. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị N và anh T không có yêu cầu.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Châu N và anh Bùi Long T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Châu N và anh Bùi Long T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Châu N và anh Bùi Long T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Châu N phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003706 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã Long Hòa, huyện Bình Đại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tô

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Xuân Tùng-Lê Khắc Hiệp

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thanh Hùng-Mai Văn Thắng

Nguyễn Thị Tơ

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Nhơn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tư

